



STAY HUNGRY FOR SUCCESS

30.09.2025

MARKET INSIGHTS REPORT

KHI KHÓ GỌI TÊN HỌ VINCOM VÀ LPB

NỘI DUNG CHÍNH

03 Chuyển động thị trường

05 TTCK Việt Nam – góc nhìn giao dịch thị trường

06 Phân tích kỹ thuật
Thị trường cân bằng và phân hóa cao

07 Hỗ trợ và kháng cự cổ phiếu trong ngày

07 Cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến

08 Danh mục khuyến nghị mua bán của Smart Invest

08 Tin tức kinh tế vĩ mô

09 Biểu đồ trong ngày

10 TTCK Mỹ
Dự báo các chỉ số chính sẽ tăng hoặc giảm nhẹ vào phiên tối nay

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

THỊ TRƯỜNG TRONG NGÀY



ĐỘ RỘNG THỊ TRƯỜNG

HOSE

Tổng số cổ phiếu giao dịch	373
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	82
Số cổ phiếu giảm giá	241
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	50

HNX

Tổng số cổ phiếu giao dịch	235
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	71
Số cổ phiếu giảm giá	112
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	52

UPCOM

Tổng số cổ phiếu giao dịch	406
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	152
Số cổ phiếu giảm giá	132
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	122

GIAO DỊCH NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

HOSE

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	87,668.77	121,312.94	(33,644.17)
% KL toàn thị trường	7.66%	10.60%	
Giá trị	3,009,181	4,289,175	(1,279,994)
% GT toàn thị trường	9.34%	13.31%	

HNX

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	6,416.87	5,579.08	837.79
% KL toàn thị trường	7.66%	10.60%	
Giá trị	161,398	143,258	18,140
% GT toàn thị trường	5.91%	5.24%	

UPCOM

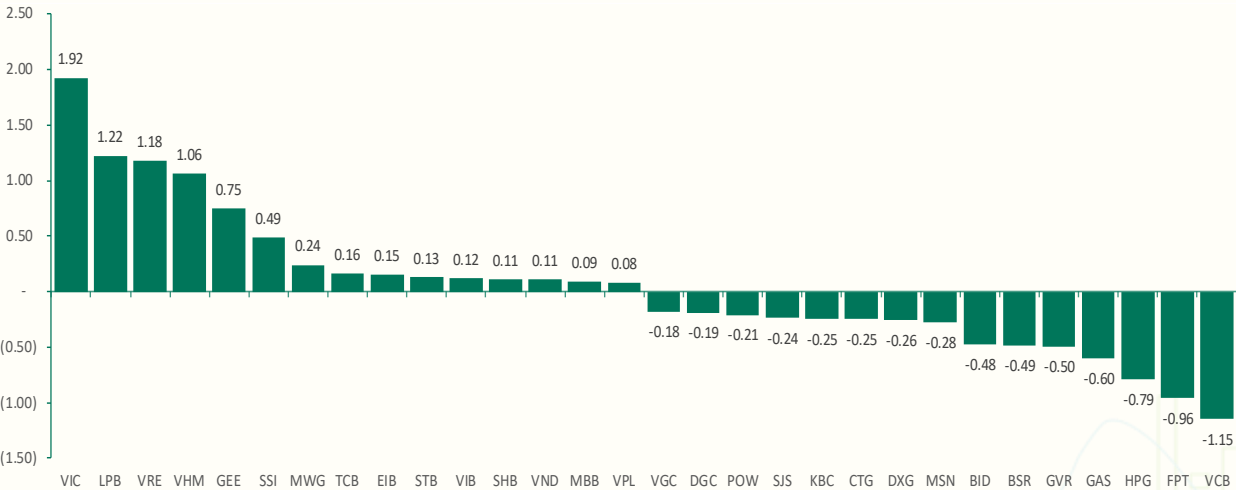
	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	716.92	651.94	64.98
% KL toàn thị trường	1.66%	1.51%	
Giá trị	19,853	25,817	(5,964)
% GT toàn thị trường	2.98%	3.88%	

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

TOP 10 VỐN HÓA

STT	Mã CK	KL	Giá	Thay đổi	P/E	P/B	EPS	Vốn hóa
1	VIC	4,674,600	174,900	2,100 (1.22%)	49.45	4.28	3,537	678,695
2	VCB	4,104,100	62,000	-600 (-0.96%)	11.27	2.42	5,501	518,052
3	VHM	4,878,500	103,000	1,100 (1.08%)	14.63	1.83	7,039	423,063
4	BID	3,683,900	40,000	-300 (-0.74%)	10.07	1.73	3,972	280,854
5	CTG	6,496,500	50,800	-200 (-0.39%)	9.06	1.67	5,606	272,796
6	TCB	11,108,100	37,850	100 (0.26%)	12.31	1.65	3,075	268,214
7	VPB	28,902,200	31,100	0 (0%)	14.18	1.62	2,193	246,745
8	HPG	53,737,200	28,150	-450 (-1.57%)	13.40	1.47	2,100	216,064
9	MBB	19,759,800	26,200	50 (0.19%)	6.05	1.25	4,331	211,041
10	FPT	12,018,800	93,000	-2,500 (-2.62%)	15.86	3.45	5,862	158,426

TỔP CÁC CỔ PHIẾU ẢNH HƯỞNG TỚI VN-INDEX



TĂNG GIẢM CHỈ SỐ NGÀNH

Ngành	% Index (Q)	% Index (YTD)	Số mã
Tất cả	+0.17%	+37.64%	1,597
▼ Tài chính	+0.01%	+32.89%	104
▶ Tổ chức tín dụng	+0.01%	+31.17%	29
▶ Dịch vụ tài chính	+0.06%	+62.83%	62
▶ Bảo hiểm	-0.40%	+18.74%	13
▶ Bất động sản	+2.24%	+112.47%	132
▼ Công nghiệp	-0.32%	+28.87%	386
▶ Vận tải	-1.21%	+21.98%	117
▶ Hàng hóa công nghiệp	+0.98%	+41.00%	230
▶ Dịch vụ thương mại và chuyên nghiệp	+0.96%	+63.98%	52
▼ Tiêu dùng thiết yếu	-0.31%	+1.96%	169
▶ Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	-0.32%	+1.51%	156
▶ Thương mại hàng thiết yếu	+0.08%	0%	9
▶ Sản phẩm chăm sóc cá nhân và gia đình	+0.01%	+10.09%	4
▶ Nguyên vật liệu	-0.48%	+16.65%	284
▶ Tiện ích	-0.56%	+5.79%	154
▼ Tiêu dùng không thiết yếu	-0.75%	+21.55%	187
▶ Thương mại hàng không thiết yếu	-1.10%	+17.21%	65
▶ Dịch vụ tiêu dùng	-0.25%	+3.15%	37
▶ Thời trang và hàng lâu bền	-0.76%	+57.79%	72
▶ Xe và linh kiện	-0.87%	+3.60%	13
▼ Dịch vụ truyền thông	-0.83%	-22.13%	41
▶ Dịch vụ viễn thông	-0.78%	-23.96%	16
▶ Truyền thông và giải trí	-1.54%	+16.35%	23
▶ Năng lượng	-1.09%	-0.74%	53
▼ Công nghệ thông tin	-1.91%	-26.39%	16
▶ Phần mềm và dịch vụ	-1.83%	-26.74%	9
▶ Phần cứng và thiết bị	-0.23%	+31.03%	7
▼ Chăm sóc sức khỏe	+0.16%	+6.23%	58
▶ Dược phẩm, công nghệ sinh học và khoa học sự sống	+0.24%	+8.21%	47
▶ Thiết bị và dịch vụ chăm sóc sức khỏe	-0.73%	-27.16%	11

Khi khó gọi tên họ VINCOM và LPB

Góc nhìn giao dịch thị trường

Chỉ số VN-Index đóng cửa giảm 4.78 điểm (- 0.29%) trong ngày hôm nay. Hôm nay có vài điểm đáng lưu ý như sau:

(1) Truyền thông giải trí, dịch vụ tài chính, bất động sản, hàng hóa công nghiệp, dược phẩm và công nghệ sinh học, hàng hóa không thiết yếu và một số cổ phiếu riêng lẻ khác...là nhóm tăng giá nhiều nhất trong ngày. Đà tăng được dẫn dắt bởi các cổ như VNZ, VNB, SSI, VND, SHS, HCM, MBS, BSI, VRE, VIC, VHM, SSH, TAL, GEX, GEE, CC1, IPA, DVN, DCL, MWG, DGW, PET, LPB ...Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) VRE tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "White Closing Marubozu";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Giá thiết lập mốc cao mới – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Dải băng trên mở ra hỗ trợ giá lên – Tín hiệu tích cực;
- ✓ VRE đang trong sóng 5 tăng giá với mục tiêu 35;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 53%;

(ii) SSI tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "Long White Candle";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ SSI hình thành sóng 4 giảm giá với mẫu hình ABC và mục tiêu giá quanh vùng giá 35 – 37 cũng trùng với hỗ trợ động MA(50);
- ✓ Mục tiêu giá sóng 5 là 49;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 55%;

(iii) TAL tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "White Closing Marubozu";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ TAL trong sóng 5 tăng giá với mục tiêu 61 – 74;
- ✓ Hỗ trợ khi giá giảm quanh vùng giá 43;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 58%;

(iv) LPB tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "Long White Candle";
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Dải băng trên mở ra hỗ trợ giá tăng – Tín hiệu tích cực;
- ✓ LPB đang trong sóng 3 mở rộng tăng giá với mục tiêu 55 - 68;

- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 55%;

(2) Phần mềm dịch vụ, năng lượng, dịch vụ viễn thông, nguyên vật liệu, vận tải, tiện ích, xe và linh kiện, bảo hiểm, thời trang và hàng lâu bền...là nhóm giảm giá nhiều nhất trong ngày. Đà giảm được dẫn dắt bởi các cổ như FPT, CMG, BSR, PLX, PVS, PVT, OIL, VGI, FOX, CTR, HPG, GVR, DGC, MSR, DCM, DPM, NKG, HSG, ACV, VJC, GMD, VTP, PHP, VSC, CII, HHV, HAH, GAS, POW, NT2, DRC, SRC, BVH, MIG, MSH, TCM, GIL...Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) PLX giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "Long Black Candle";
- ✓ Giá giảm khối lượng tăng – Tín hiệu giảm giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Dải băng dưới mở ra hỗ trợ giá xuống – Tín hiệu tiêu cực;
- ✓ Cổ phiếu đang hình thành sóng 5 giảm giá với mục tiêu 28 - 32;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 56%;

(ii) CTR giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "Black Opening Marubozu";
- ✓ Giá giảm khối lượng tăng – Tín hiệu giảm giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Dải băng dưới mở ra hỗ trợ giá xuống – Tín hiệu tiêu cực;
- ✓ Cổ phiếu đang hình thành sóng 5 giảm giá với mục tiêu 41 - 64;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 52%;

(iii) NKG giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "Black Candle";
- ✓ Giá giảm khối lượng tăng – Tín hiệu giảm giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ NKG đang trong sóng 4 giảm giá với hỗ trợ quanh vùng giá 15– 17;
- ✓ XTL màu đen cho thấy sóng 4 là sóng "nông" với khả năng đi ngang là cao;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 57%;

(iv) GIL giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nến giao dịch là: "Black Opening Marubozu";
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm – Tín hiệu giảm giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Cổ phiếu hoàn thành 5 nhỏ của sóng 3 lớn giảm giá với mục tiêu 13 – 16;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 58%;

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT: VN-Index vận động theo mô hình lá cờ đuôi nheo ?

VN-Index dưới góc nhìn kỹ thuật

VN-Index đóng cửa giao dịch tạo thành mẫu hình giao dịch “Small Black Candle”. Khối lượng giao dịch tăng và quay trở lại mức trung bình 20 ngày. Theo lý thuyết, thì giá giảm khối lượng giao dịch tăng là mô hình giảm giá có sự hỗ trợ của khối lượng – Tín hiệu tiêu cực.

Các điểm cần lưu ý:

(i) NĐT nước ngoài bán ròng hơn 1,283 tỷ đồng (Tính cả 3 sàn). Tốp mua ròng khớp lệnh của nước ngoài gồm các mã: CII, SHB, TCB, LPB, TAL, VIC, CEO, VPB, ACB, NKG... Tốp bán ròng khớp lệnh của nước ngoài gồm các mã: KDH, HPG, FPT, SSI, VHM, DIG, VIX, MWG, VCI, DXG... Về cơ bản đã bán ròng của khối ngoại vẫn chưa dừng lại.

(ii) VN-Index đang dần hình thành một lá cờ đuôi nheo thường thấy trong các sóng tăng giá lớn. Trong quá trình này, thanh khoản thường thấp hơn mức trung bình. Với các NĐT thận trọng, có thể phải chờ đợi mẫu hình này có Break out để tham gia và dự báo của chúng tôi xu hướng tăng kèm theo thanh khoản chỉ xuất hiện ở nửa sau tháng 10.

Các cổ phiếu mua tích lũy trong phiên hôm nay là VRE, SCS, VPI...

Các cổ phiếu có tiền vào mạnh: GEE, VRE...

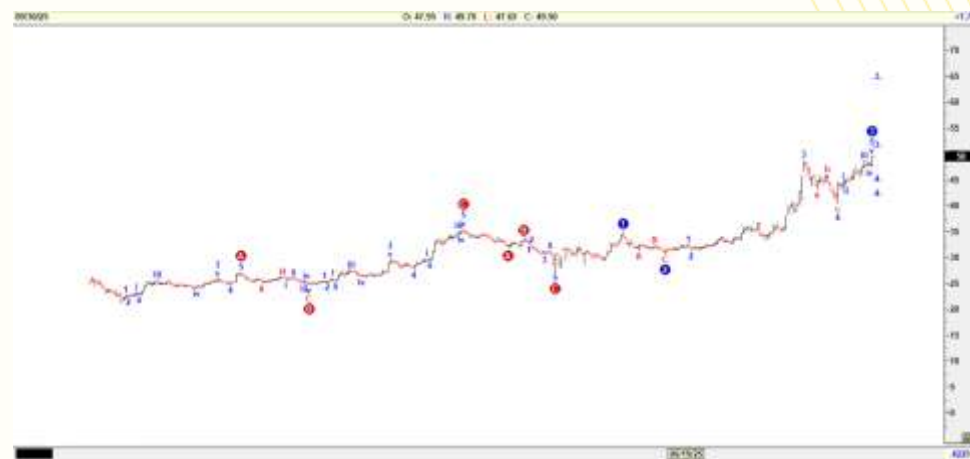
Theo phương pháp phân tích “Price Action” với VN30 chúng ta có 04 mã cho tín hiệu mua, 03 mã cho tín hiệu bán, 23 mã cho tín hiệu đi ngang. Các mã VIC, LPB, STB, TCB ...cho tín hiệu tích cực.

Theo thống kê định lượng, với mẫu hình hôm nay thì phiên giao dịch tiếp theo, VN-Index có xác suất giảm điểm là 53% và 40% giá đóng cửa thấp hơn giá mở cửa. Dựa trên thống kê, chỉ số sẽ giảm điểm với giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa vào phiên giao dịch ngày thứ 4. Hỗ trợ là 1,600 điểm và kháng cự là 1,700 điểm.

Biểu đồ chỉ số VN-Index



Biểu đồ cổ phiếu LPB



HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY

Ticker	Pivot	BC	TC	NarrowRange	R1	R2	R3	R4	S1	S2	S3	S4
HNX30	591.83	591.52	592.14	YES	602.47	612.5	623.14	633.17	581.8	571.16	561.13	550.49
HNXINDEX	272.76	272.56	272.96	YES	276.28	279.4	282.92	286.04	269.64	266.12	263	259.48
UPINDEX	109.35	109.29	109.4	YES	110.06	110.66	111.37	111.97	108.75	108.04	107.44	106.73
VN30	1863.49	1863.68	1863.31	YES	1880.54	1897.94	1914.99	1932.39	1846.09	1829.04	1811.64	1794.59
VNINDEX	1661.49	1661.39	1661.59	YES	1677.01	1692.32	1707.84	1723.15	1646.18	1630.66	1615.35	1599.83
VNXALL	2858.49	2856.6	2860.37	YES	2888.09	2913.94	2943.54	2969.39	2832.64	2803.04	2777.19	2747.59
VN30FIM	1853.47	1853	1853.93	YES	1865.33	1876.27	1888.13	1899.07	1842.53	1830.67	1819.73	1807.87
VN30FIQ	1848.13	1848.55	1847.72	YES	1856.37	1865.43	1873.67	1882.73	1839.07	1830.83	1821.77	1813.53
VN30F2M	1851.37	1850.25	1852.48	YES	1862.73	1871.87	1883.23	1892.37	1842.23	1830.87	1821.73	1810.37
VN30F2Q	1828.53	1827.8	1829.27	YES	1835.27	1840.53	1847.27	1852.53	1823.27	1816.53	1811.27	1804.53
BCM	66.6	66.45	66.75	NO	67.2	67.5	68.1	68.4	66.3	65.7	65.4	64.8
ACB	25.58	25.63	25.54	NO	25.72	25.93	26.07	26.28	25.37	25.23	25.02	24.88
BID	40.05	40.07	40.03	YES	40.5	41	41.45	41.95	39.55	39.1	38.6	38.15
BVH	55.47	55.55	55.38	NO	56.23	57.17	57.93	58.87	54.53	53.77	52.83	52.07
CTG	50.6	50.5	50.7	NO	51.2	51.6	52.2	52.6	50.2	49.6	49.2	48.6
FPT	93.87	94.3	93.43	NO	94.93	96.87	97.93	99.87	91.93	90.87	88.93	87.87
GAS	60.83	61.05	60.62	NO	61.27	62.13	62.57	63.43	59.97	59.53	58.67	58.23
GVR	27.82	27.88	27.76	NO	28.18	28.67	29.03	29.52	27.33	26.97	26.48	26.12
HDB	30.72	30.58	30.86	NO	31.28	31.57	32.13	32.42	30.43	29.87	29.58	29.02
HPG	28.22	28.25	28.18	NO	28.53	28.92	29.23	29.62	27.83	27.52	27.13	26.82
LPB	48.95	48.68	49.22	NO	50.25	51	52.3	53.05	48.2	46.9	46.15	44.85
MBB	26.28	26.33	26.24	NO	26.52	26.83	27.07	27.38	25.97	25.73	25.42	25.18
MSN	81.17	81.25	81.08	NO	81.83	82.67	83.33	84.17	80.33	79.67	78.83	78.17
MWG	77.23	77	77.47	NO	78.27	78.83	79.87	80.43	76.67	75.63	75.07	74.03
PLX	34.33	34.4	34.27	NO	34.67	35.13	35.47	35.93	33.87	33.53	33.07	32.73
SAB	45.32	45.38	45.26	NO	45.48	45.77	45.93	46.22	45.03	44.87	44.58	44.42
SHB	16.77	16.7	16.83	NO	17.13	17.37	17.73	17.97	16.53	16.17	15.93	15.57
SSB	19.28	19.27	19.29	YES	19.52	19.73	19.97	20.18	19.07	18.83	18.62	18.38
SSI	38.22	38.05	38.38	NO	39.13	39.72	40.63	41.22	37.63	36.72	36.13	35.22
TCB	37.8	37.78	37.82	YES	38.1	38.35	38.65	38.9	37.55	37.25	37	36.7
TPB	18.75	18.7	18.8	NO	19.1	19.35	19.7	19.95	18.5	18.15	17.9	17.55
STB	56.67	56.55	56.78	NO	57.33	57.77	58.43	58.87	56.23	55.57	55.13	54.47
VHM	103.63	103.95	103.32	NO	105.17	107.33	108.87	111.03	101.47	99.93	97.77	96.23
VIB	19.83	19.8	19.87	NO	20.07	20.23	20.47	20.63	19.67	19.43	19.27	19.03
VCB	62.23	62.35	62.12	NO	62.67	63.33	63.77	64.43	61.57	61.13	60.47	60.03
VIC	177.13	178.25	176.02	NO	180.77	186.63	190.27	196.13	171.27	167.63	161.77	158.13
VJC	129.97	130.15	129.78	NO	131.13	132.67	133.83	135.37	128.43	127.27	125.73	124.57
VPB	30.88	30.77	30.99	NO	31.47	31.83	32.42	32.78	30.52	29.93	29.57	28.98
VRE	31.5	31.2	31.8	NO	32.7	33.3	34.5	35.1	30.9	29.7	29.1	27.9
VNM	60.27	60.4	60.13	NO	60.53	61.07	61.33	61.87	59.73	59.47	58.93	58.67

- Resistance và Support: Là các hỗ trợ và kháng cự trong ngày của cổ phiếu. Nhà đầu tư khi mua bán thì cần theo các vùng giá hỗ trợ hay kháng cự.
- Pivot: Là nơi xác nhận xu hướng đảo chiều của cổ phiếu.

CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

Ticker	Volume	AvgVolume 10 Days	Change %	Daily Returns %
DXG	60,699,100	25,284,280	240	-5.26
VRE	17,459,400	4,534,880	385	7
DPM	11,670,200	2,436,100	479	-3.46
ANV	5,219,100	2,399,310	217.53	4.15
IDC	2,593,900	1,268,460	204	-2.04
GEE	2,197,500	559,310	393	6.99
TAL	2,072,700	762,150	271.95	1.25
TDH	2,047,500	929,530	220	-6.56
BMI	1,322,200	555,060	238	1.81
ACV	1,261,300	557,010	226.44	-2.78
LSG	897,200	213,000	421	7.05
SGR	789,000	301,830	261	-6.84
SCS	735,400	185,910	396	2.31
TTH	666,700	176,430	378	-3.57
MBG	649,000	193,670	335.11	-2.7
TTA	600,400	219,750	273	1.19
HBS	471,200	56,130	839	8.11
MIG	409,900	174,440	235	-0.59
PFL	407,700	131,050	311	-3.7
VNB	394,600	24,260	1626.55	11.9
TV2	371,800	147,820	252	-2.82
BIC	365,100	166,150	220	2.93
CCL	351,800	166,460	211	-1.29
NED	291,200	99,930	291	0
PHR	283,200	140,870	201.04	-0.18
MPC	242,400	97,200	249	4.12
MVC	224,800	94,090	239	0.63
LHG	218,700	86,850	252	-1.92
CTX	209,600	96,530	217	3.31
APF	181,100	7,090	2,554	-3.61
VOC	179,000	19,520	917	-3.94
D2D	165,500	66,760	248	-0.27
HLD	164,600	59,050	279	0.56
PIV	137,400	49,590	277	0
DST	137,400	47,160	291	2.27
ABI	129,200	44,170	293	9.52
AMS	129,200	43,200	299	0
FUETCC50	126,600	60,400	210	0.22
VMD	122,700	6,770	1,812	6.78
KHP	121,300	46,810	259	0.8

- Lưu ý: DXG, VRE...có khối lượng giao dịch đột biến lớn

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ MUA BÁN CỦA SMART INVEST

Ngày khuyến nghị	Mã CK	Khuyến nghị hành động	Giá mua/bán	Hiệu suất sinh lời	Ghi chú
24-Sep	DIG	Mua	≤ 36	10% -20%	Sóng 5 tăng giá đang hình thành
24-Sep	HDC	Mua	≤ 27	10% -20%	Sóng 5 tăng giá đang hình thành
24-Sep	DBC	Mua thêm	≤ 28	10% -20%	Mua Pull Back MA(200)

Các lưu ý cần chú ý:

- Hôm nay chúng tôi **KHÔNG MỞ MUA CỔ PHIẾU MỚI**;

Tin tức kinh tế, vĩ mô

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 29/09, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 25.192 VND/USD, tăng nhẹ 02 đồng so với phiên cuối tuần trước. Tỷ giá mua giao ngay được niêm yết ở mức 23.983 VND/USD, cao hơn 50 đồng so với tỷ giá sàn; tỷ giá bán giao ngay ở mức 26.401 VND/USD, thấp hơn 50 đồng so với tỷ giá trần. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên với mức 26.427 VND/USD, tăng 18 đồng so với phiên 26/09. Tỷ giá trên thị trường tự do tăng 30 đồng ở cả hai chiều mua vào và bán ra, giao dịch tại 26.520 VND/USD và 26.620 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 29/09, lãi suất chào bình quân LNH VND giảm mạnh 0,09 – 0,63 đpt ở tất cả các kỳ hạn từ 1M trở xuống so với phiên cuối tuần trước, cụ thể: ON 3,73%; 1W 5,25%; 2W 5,33% và 1M 5,47%. Lãi suất chào bình quân LNH USD đi ngang ở các kỳ hạn ON và 2W trong khi giảm 0,01 đpt ở các kỳ hạn 1W và 1M, giao dịch tại: ON 4,09%; 1W 4,12%; 2W 4,18%, 1M 4,21%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp giữ nguyên ở các kỳ hạn ngắn trong khi tăng nhẹ ở các kỳ hạn 10Y và 15Y, chốt phiên: 3Y 2,79%; 5Y 3,06%; 7Y 3,37%; 10Y 3,62%; 15Y 3,70%.
- Nghịệp vụ thị trường mở:** Trên kênh cầm cố, NHNN chào thầu 4.000 tỷ đồng ở kỳ hạn 7 ngày, 3.000 tỷ đồng ở kỳ hạn 14 ngày, 6.000 tỷ đồng ở kỳ hạn 28 ngày, 1.000 tỷ đồng ở kỳ hạn 91 ngày, lãi suất đều ở mức 4,0%. Có 4.000 tỷ đồng trúng thầu ở kỳ hạn 7 ngày, 3.000 tỷ đồng ở kỳ hạn 14 ngày, 6.000 tỷ đồng ở kỳ hạn 28 ngày và 998,54 tỷ đồng kỳ hạn 91 ngày. Có 9.828,34 tỷ đồng đáo hạn. NHNN không chào thầu tín phiếu NHNN. Như vậy, hôm qua NHNN bơm ròng 4.170,20 tỷ đồng ra thị trường qua nghiệp vụ thị trường mở. Có 173.002,55 tỷ đồng lưu hành ở kênh cầm cố.

Cách thức chốt lời và dừng lỗ

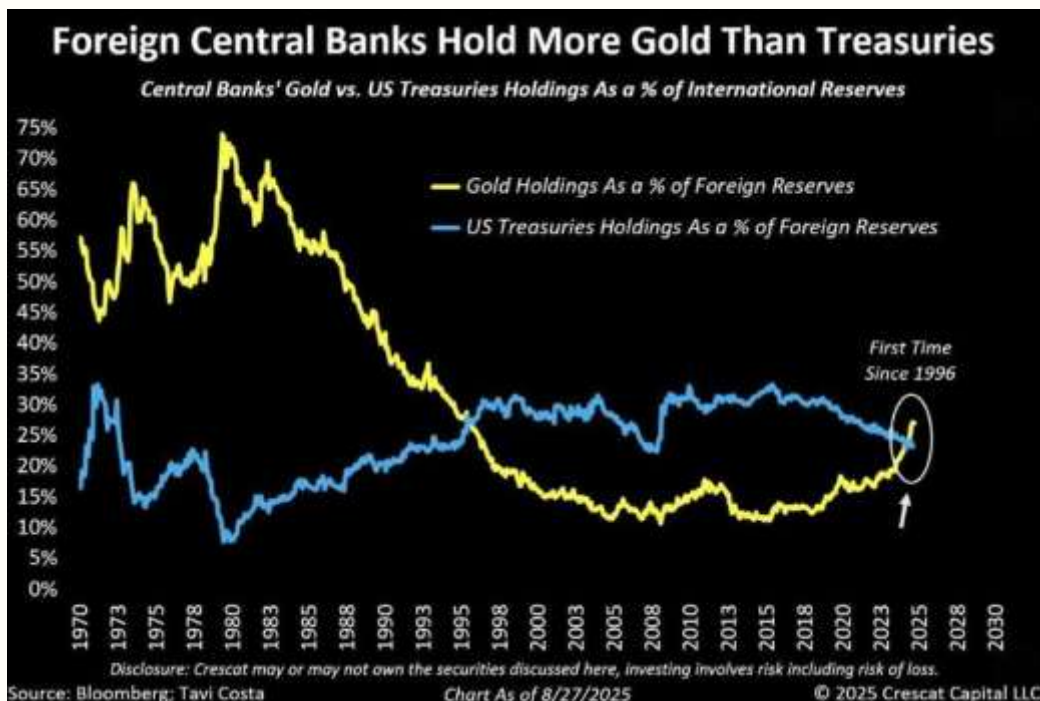
- Các mã trong danh mục chúng tôi khuyến nghị khi đạt hiệu suất sinh lời kỳ vọng nhà đầu tư có thể chốt lời hoặc đặt Trailing Stop (Các lệnh duy trì mức lãi mong muốn để đảm bảo tỷ lãi khi thị trường đảo chiều sau khi đã có lãi đạt kỳ vọng và để tài khoản nuôi lãi chạy).

Nguyên tắc dừng lỗ. Nhà đầu tư có thể lựa chọn các nguyên tắc dừng lỗ sau tùy theo quan điểm lựa chọn:

- Đặt mức dừng lỗ bằng ½ mức lợi nhuận trung bình mà mình kiếm được hàng năm;
- Đặt mức dừng lỗ theo điểm "Uncle": Ngưỡng mà bản thân không thể chịu đựng được;
- Đặt mức dừng lỗ 10% ;

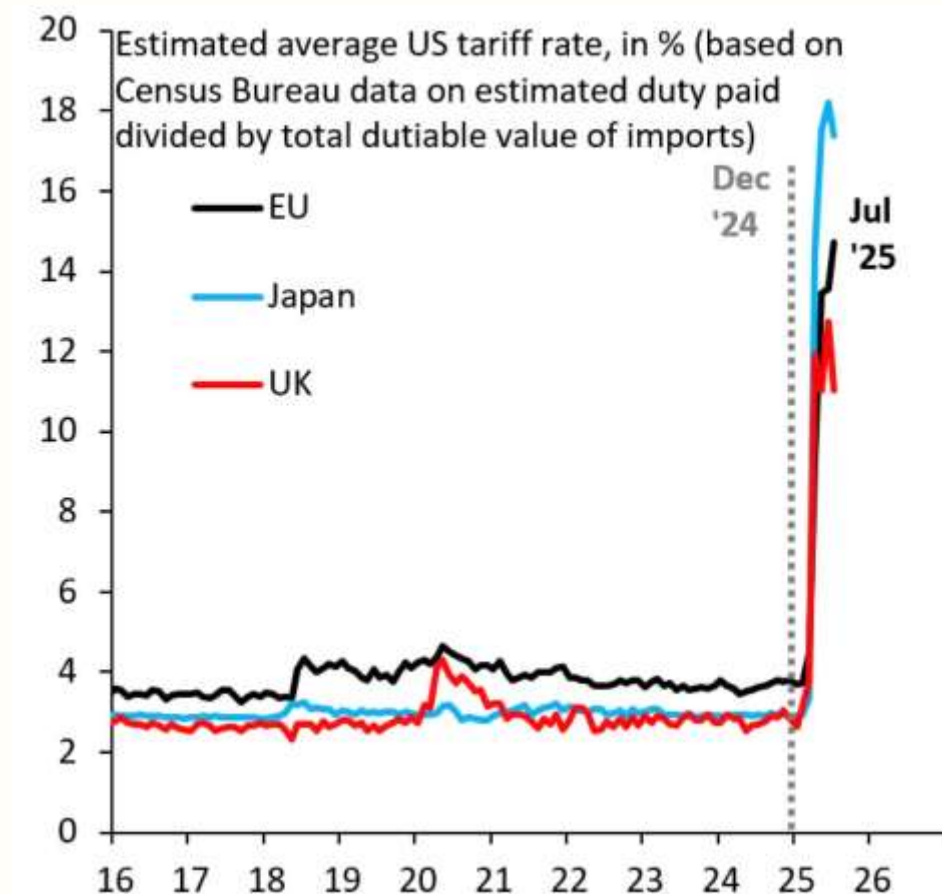
BIỂU ĐỒ TRONG NGÀY

Lần đầu tiên sau 30 năm, các NHTW sở hữu vàng nhiều hơn trái phiếu Mỹ



Sự luân chuyển vào cổ phiếu toàn cầu

Biểu đồ thể hiện mức thuế suất thực tế của EU (màu đen), Nhật Bản (màu xanh) và Anh (màu đỏ), dựa trên dữ liệu của Cục Thống kê về mức thuế ước tính phải trả cho hàng nhập khẩu. Các mức thuế suất này có thể hơi cao hơn mức thuế suất thực tế một chút do chưa tính đến các khoản miễn trừ và hoàn thuế. EU là 15%, Nhật Bản là 17%, Anh là 11%...



TTCK MỸ

Nhiều cổ phiếu có có Break out mẫu hình xác nhận xu hướng tăng tiếp tục

Tesla đạt mức cao nhất trong năm



Nike công bố lợi nhuận – Giá sẽ tăng hay giảm ?



Thanh khoản dư thừa của Mỹ tăng cao ủng hộ việc tái định giá cổ phiếu



S&P 500 đã có 103 ngày nằm trên MA(50) – Con số kỷ lục





(*)Bản quyền: Bản tin này được bảo vệ bản quyền Công ty Cổ phần Chứng Khoán Smart Invest bởi luật pháp Việt Nam và các luật lệ, công ước khác. Mọi hình thức sao chép, tái bản, sử dụng trên các phương tiện truyền thông đối với Bản tin này cần được sự đồng thuận của Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest.

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Những dữ liệu trong Bản tin này được dựa trên và dẫn xuất từ những nguồn thông tin đại chúng và được cho là đáng tin cậy; tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm và cam kết về tính chính xác và thích hợp của các thông tin đó đối với mọi đối tượng người dùng. Dữ liệu trong Bản tin có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản tin được viết cho mục đích cung cấp thông tin, không bao gồm bất cứ một khuyến nghị mua bán nào hướng tới mọi loại công cụ tài chính và cam kết trong bất kỳ chiến lược giao dịch nào. Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest miễn trách đối với mọi hình thức hiểu và sử dụng Bản tin.

CTCP Chứng khoán Smart Invest (AAS)

 <https://www.aas.com.vn>
 1900 1811
 trungtamcskh@aas.com.vn



TRẢI NGHIỆM NGAY

